

TỪ CHỦ NGHĨA TAM DÂN CỦA TÔN TRUNG SƠN ĐẾN TƯ TƯỞNG XHCN HẢI HÒA CỦA HỒ CẨM ĐÀO

PGS. TS. TRẦN LÊ BẢO
Đại học Sư phạm Hà Nội

Bất kỳ tư tưởng chính trị nào cũng là con đẻ của một thời đại nhất định. Nó sinh ra như một nhu cầu tất yếu của cuộc sống, đại diện cho nguyện vọng bức thiết của một cộng đồng dân tộc, kết tinh tinh hoa văn hoá của thời đại. Khi định hình, tư tưởng chính trị này lại có tác dụng định hướng, điều chỉnh cho bước đi của lịch sử một dân tộc, thậm chí có thể định hướng cho bước đi của nhiều dân tộc trên thế giới.

Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn – lãnh tụ vĩ đại của cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) và tư tưởng chính trị Xã hội XHCN hải hòa của Hồ Cẩm Đào – Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc hiện nay đều thể hiện quy luật này. Cả hai tư tưởng chính trị này đều nảy sinh ra do nhu cầu của những điều kiện lịch sử – xã hội nhất định, đại diện cho nguyện vọng của hàng trăm triệu người dân Trung Hoa và là sự kết tinh của văn

hoá truyền thống Trung Hoa với tinh hoa văn hoá thế giới. Hai tư tưởng chính trị này mặc dù cách xa nhau gần 100 năm, chúng có những nét tương đồng và dị biệt song cũng có sự kế thừa và đổi mới theo yêu cầu của thời đại.

Cả hai tư tưởng chính trị này đã và đang dẫn dắt nhân dân Trung Quốc, cách mạng Trung Quốc tiến lên nhằm tới mục tiêu xây dựng đất nước thịnh vượng, xã hội công bằng, văn minh, nhân dân giàu có, hạnh phúc... Những kinh nghiệm kể cả được và chưa được của hai tư tưởng trên đã từng ảnh hưởng đến tư tưởng của các nhà cách mạng Việt Nam thế kỷ trước, và có thể bổ ích cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá cũng như việc thực hiện mục tiêu xây dựng CNXH – dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh ở Việt Nam.

1. Chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chế độ phong kiến Mãn Thanh đã ở trong tình trạng mục ruỗng, tàn lụi. Để duy trì chính thể và vương quyền, về đối nội triều đình Mãn Thanh thi hành nhiều biện pháp bóc lột tàn nhẫn, hà khắc, ra tay đàn áp đẫm máu nhiều cuộc đấu tranh chính nghĩa vì độc lập tự do của dân tộc. Các cuộc chính biến Mậu Tuất (1898) với mục tiêu canh tân đất nước theo đường lối Nhật Bản, phong trào Nghĩa Hoà Đoàn (1898 – 1901) chống lại các thế lực phương Tây... đều bị thất bại nặng nề và bị chìm trong biển máu. Về đối ngoại, triều đình nhà Thanh theo đuổi những chính sách phản động, cam tâm bán rẻ đất nước cho các thế lực ngoại bang phương Tây. Đất nước Trung Quốc đắm chìm trong tăm tối của chế độ phong kiến - đế quốc câu kết thống trị, dân tộc Trung Hoa cơ hồ rơi vào hoạ diệt vong, ước mơ độc lập tự do hạnh phúc lại càng xa vời. Nhu cầu đổi mới của thời đại, của dân tộc đã lên tới cực điểm.

Trước hiểm hoạ của đất nước và dân tộc Trung Hoa đang trong cảnh lâm nguy, nhân dân bị dồn vào con đường khốn cùng, đã có không ít nhà yêu nước, những chiến sĩ cách mạng dấn thân tìm đường cứu nước, cứu dân như Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu... Tinh thần vì dân vì nước của họ đều rất đáng khâm phục, song đường lối, tư tưởng chính trị của họ vẫn còn những điểm hạn chế. Tư tưởng chính trị của Tôn Trung Sơn ra đời trong bối cảnh lịch sử – xã hội và văn hoá thời đại như trên. Là một người có

tư tưởng yêu nước tiến bộ, biết tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản từ các phong trào cách mạng tư sản phương Tây, lại trực tiếp trải nghiệm tư tưởng của các nhà cách mạng lớp trước, Tôn Trung Sơn muốn tìm ra con đường mới cho cách mạng Trung Quốc, đưa đất nước và dân tộc thoát khỏi hiểm hoạ diệt vong, đồng thời xây dựng một chính thể mới tiến bộ, phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại.

Trong phong trào cách mạng dân chủ tư sản đang dâng lên mạnh mẽ ở đất nước Trung Quốc, tháng 7-1905, các tổ chức cách mạng thống nhất thành lập một chính đảng cách mạng lấy tên là *Trung Quốc cách mạng Đồng minh hội* (gọi tắt là *Đồng minh hội*), Tôn Trung Sơn được bầu làm Tổng lý, xác định cương lĩnh chính trị của Đồng minh hội là “*Đánh đuổi Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, bình quân địa quyền*”. Tháng 11-1905, nhân dịp ra mắt tờ Dân báo, tờ báo của Đồng minh hội, Tôn Trung Sơn đã chính thức đề ra *chủ nghĩa Tam dân – Chủ nghĩa dân tộc, Chủ nghĩa dân quyền, Chủ nghĩa dân sinh*, nhằm giải quyết ba yêu cầu bức thiết về dân tộc, dân quyền và dân sinh cho đất nước và nhân dân Trung Quốc. Tôn Trung Sơn đã coi chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân quyền là cương lĩnh để giành quyền lợi quốc gia và độc lập dân tộc, coi chủ nghĩa dân sinh là cương lĩnh phát triển kinh tế. Chủ nghĩa Tam dân đã trở thành phương hướng và mục tiêu hành động cho Đồng minh hội. Cũng từ đây, tư

tưởng chính trị này không chỉ là ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng đấu tranh, mà còn trở thành cương lĩnh chính trị hoàn chỉnh của cuộc cách mạng Tân Hợi long trời lở đất năm 1911 và các cuộc cách mạng tư sản khác lúc bấy giờ, thúc đẩy toàn diện tiến trình cận đại hoá Trung Quốc.

Tôn Trung Sơn đã nêu khái quát, chủ nghĩa Tam dân là chủ nghĩa cứu nước, đưa Trung Quốc lên địa vị quốc tế bình đẳng, địa vị chính trị bình đẳng, địa vị kinh tế bình đẳng, làm cho Trung Quốc tồn tại mãi mãi trên thế giới. Ông cũng lý giải ba tiêu chí của chủ nghĩa Tam dân - Dân tộc, Dân quyền, Dân sinh như sau:

♦ Chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa quốc tộc, là một thứ bảo bối giúp một quốc gia phát triển và một dân tộc sinh tồn. Trong điều kiện Trung Quốc bị phong kiến Mãn Thanh thống trị, các nước phương Tây xâm xé, thì việc giành lại độc lập cho dân tộc, lật đổ triều đại Mãn Thanh, đánh đuổi các thế lực phương Tây là điều kiện tiên quyết để có dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Theo Tôn Trung Sơn, Trung Quốc chỉ có chủ nghĩa gia tộc và tông tộc, không có chủ nghĩa quốc tộc. Nói đúng hơn là Trung Quốc đã có chủ nghĩa dân tộc, nhưng bị mất đi, nay phải khôi phục. Ông nhấn mạnh cần phải đoàn kết, tập hợp lực lượng từ gia tộc tới tông tộc rồi đến quốc tộc như một đặc thù của văn hoá Trung Hoa. Mặt khác, ông cũng cho rằng cần coi trọng chủ nghĩa dân tộc

trước rồi mới đến chủ nghĩa thế giới và ông tin rằng văn minh tinh thần của Trung Quốc rất đáng trân trọng, song cũng cần học tập cả tinh hoa văn hoá phương Tây thì mới có thể giải phóng dân tộc được.

♦ Chủ nghĩa dân quyền. Theo Tôn Trung Sơn, dân quyền là sức mạnh chính trị của nhân dân, nhân dân quản lý chính trị. Tư tưởng dân quyền có mầm mống từ thời cổ Hy Lạp, La Mã, được xác lập cách đây 150 năm. Lịch sử loài người đã đi qua thân quyền, quân quyền, dân quyền. Ông cũng cho rằng “*Chủ nghĩa dân quyền chính là căn bản của cách mạng chính trị.*”⁽¹⁾. Theo Tôn Trung Sơn, chính trị là do hai bộ phận “chính” và “trị” cấu thành. “*Chính là việc của dân chúng, lực lượng lớn tập hợp việc của dân chúng gọi là chính quyền; chính quyền có thể gọi là dân quyền. Trị là quản lý việc của dân chúng, gọi là trị quyền; trị quyền có thể gọi là chính phủ. Bởi vậy, trong chính trị bao gồm hai lực lượng: một là chính quyền (dân quyền), hai là trị quyền (quyền chính phủ)*”⁽²⁾. Ông cũng đề ra nguyên lý “quyền” và “năng”. Quyền thuộc về dân - dân quyền. Năng lực thuộc về Chính phủ. Những người tham gia Chính phủ phải là những người *hữu năng – trị quyền*. Dân quyền đầy đủ, trực tiếp gồm bốn quyền: Tuyển cử, bãi miễn, sáng chế (quyết định pháp luật), phúc quyết (sửa luật cũ, yêu cầu Chính phủ thực hiện). Trị quyền có năm quyền: hành chính, lập pháp, tư

pháp, khảo thí, giám sát. Mỗi quyền đều có tổ chức, cơ chế hoạt động riêng. Như vậy Tôn Trung Sơn đã thống nhất bốn quyền lớn của dân và năm quyền của chính phủ trong một chỉnh thể, hình thành một chế độ chính trị mới. Ông tin rằng, nếu thực hành chỉnh thể này, Trung Quốc có thể sẽ “trở thành một thế giới chưa từng có”⁽³⁾. Tư tưởng dân quyền từng là viên ngọc quý trong kho tàng tư tưởng chính trị dân chủ cổ đại Trung Quốc: “*Dân là gốc của nước*” (Dân vi bang bản), “*Thiên hạ là của chung*” (Thiên hạ vi công); chế độ khảo thí, chế độ giám sát vốn là chức năng của ngự sử thời trước. Nhiều nhà tư tưởng tiến bộ đã dùng nó để phê phán và đấu tranh với chủ nghĩa chuyên chế phong kiến. Song dung hợp tư tưởng dân chủ truyền thống với hệ thống tư tưởng tự do, dân chủ, bình đẳng, bác ái của phương Tây để khái quát thành chủ nghĩa dân quyền với tư cách là cương lĩnh đấu tranh của cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc thì chỉ đến Tôn Trung Sơn mới có.

♦ Chủ nghĩa dân sinh. Theo Tôn Trung Sơn, dân sinh là đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân. Chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa đại đồng, là trung tâm của tiến hoá xã hội, tiến hoá xã hội là trung tâm của lịch sử. Nội dung của chủ nghĩa dân sinh có 2 điểm: *Bình quân địa quyền và tiết chế tư bản*. Như vậy, chủ nghĩa cộng sản là lý tưởng, là mục tiêu của chủ

nghĩa dân sinh và chủ nghĩa dân sinh là phương tiện, là thực hành chủ nghĩa cộng sản. *Bình quân địa quyền* là “người cày có ruộng”. Đó cũng là quyền lợi và ước mơ ngàn đời nay trên đất nước Trung Quốc phong kiến có đến 90% dân số là nông dân. Mọi quan hệ xã hội và mâu thuẫn cơ bản đều nảy sinh ra từ đây. *Tiết chế tư bản* là hạn chế kinh tế tư bản phát triển tới giai đoạn độc quyền, nhưng vẫn khuyến khích phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở một trình độ thích hợp. Trong hoàn cảnh kinh tế và quan hệ sản xuất phong kiến trì trệ lỗi thời như thời bấy giờ, muốn đem lại đời sống ấm no hạnh phúc cho nhân dân, Trung Quốc không còn con đường nào khác là phải phá bỏ quan hệ sản xuất phong kiến, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật, văn minh tiên tiến phương Tây. Như vậy chủ nghĩa dân sinh được Tôn Trung Sơn đặt thành mục tiêu thứ ba của Cách mạng Tân Hợi chính là nhằm vào vấn đề phá bỏ quan hệ sản xuất phong kiến đã quá lỗi thời và bất công, giải phóng sức sản xuất của muôn ngàn người lao động, trong đó đại đa số là nông dân, để phát triển kinh tế thịnh vượng, đem lại cuộc sống ấm no cho cả dân tộc Trung Hoa. Nó không những định hướng chính xác cho cuộc cách mạng giành lại độc lập tự do cho dân tộc, diễn ra trong hoàn cảnh của một quốc gia nửa phong kiến nửa thuộc địa, mà còn nhằm giải quyết vấn đề cốt

lỗi sau khi giành độc lập là phải phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân theo phương thức tư bản chủ nghĩa.

Cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Tam Dân đã nổ ra trên khắp đất nước Trung Quốc, mọi người nô nức hưởng ứng, hy vọng sẽ được đổi đời. Mặc dù vậy cuộc cách mạng này vẫn không tránh khỏi thất bại do những hạn chế của thời đại, và do có những nhược điểm chính như: Thiếu một trào lưu tư tưởng mới mở đường, soi sáng cho hành động cách mạng; xác định đối tượng cách mạng chưa toàn diện; thiếu cơ sở quần chúng; thiếu sự thống nhất trong các tổ chức cách mạng và bộ chỉ huy cách mạng, đặc biệt là vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp tư sản Trung Quốc còn non yếu so với liên minh hai thế lực phong kiến hủ bại phản động với đế quốc phương Tây hùng mạnh. Tuy nhiên, tư tưởng chính trị, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn vẫn là tư tưởng tiên tiến của thời đại, hoàn toàn phù hợp với điều kiện lịch sử và thực tiễn của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XX. Nó là sự kết tinh nhu cầu của thời đại và truyền thống văn hoá Trung Hoa. Chính vì vậy, nó đáp ứng được nguyện vọng ngàn đời của nhân dân Trung Quốc về một nền độc lập thiêng liêng, một thiết chế dân chủ và một cuộc sống công bằng, hạnh phúc ấm no, thúc đẩy quá trình cận đại hoá Trung Quốc.

2. Tư tưởng Xã hội xã hội chủ nghĩa hài hoà của Tổng bí thư ĐCS Trung Quốc Hồ Cẩm Đào

Ba thập niên trở lại đây, đặc biệt mười năm nay, nền kinh tế Trung Quốc phát triển quá nhanh (người ta thường gọi là phát triển nóng), tổng sản phẩm quốc nội tăng vọt, bước sang thế kỷ XXI, bình quân GDP đã vượt qua 1000 USD/người, nhân dân được hưởng nhiều phúc lợi hơn. Mặt khác, kinh tế phát triển nhanh cũng xuất hiện một số vấn đề, ở đây chủ yếu có ba vấn đề: *một là* quan hệ giữa thành thị và nông thôn, giữa các khu vực với nhau, giữa kinh tế và xã hội có sự phát triển không đồng đều và khoảng cách này ngày càng lớn; *hai là* mâu thuẫn xã hội ngày càng gia tăng, đặc biệt là giữa các giai tầng, các quần thể do thụ hưởng phân phối không đều mà dẫn đến mâu thuẫn về lợi ích; *ba là* nguyên nhiên vật liệu thiếu trầm trọng, môi trường bị ô nhiễm nặng nề, bên cạnh đó là nhu cầu sử dụng ngày càng cao của đời sống và phát triển kinh tế thúc bách. Những vấn đề trên nếu xử lý không tốt, rất dễ đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa, rơi vào lối mòn hết sức nguy hiểm như một số nước ở châu Mỹ La-tinh. Thực tiễn ở một số nước trên thế giới, sau khi đạt bình quân GDP trên 1000 USD/ người, các nước này bắt đầu tiến vào thời kỳ phát triển cao, song lại xuất hiện nhiều mâu thuẫn đột xuất. Hai điều này lại đặc biệt trùng hợp. Để giải quyết mâu thuẫn trên, một số nước cũng đã có những kinh nghiệm thành công để vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh chóng lại vừa ổn định được tiến bộ xã hội, bên cạnh đó cũng có những giáo huấn do nhận thức sai lầm nên dẫn

đến kinh tế không phát triển và xã hội biến động triền miên. Từ thực tiễn trên đất nước Trung Quốc, đất nước này đã trải qua một giai đoạn dài, trong đó vấn đề phát triển kinh tế xã hội cũng phải đối mặt với mâu thuẫn ngày càng gia tăng, ngày càng phức tạp.

Sau Đại hội XVI, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra những vấn đề quan trọng có tính lý luận cao, quan điểm phát triển khoa học, tăng cường xây dựng năng lực lãnh đạo của Đảng và xây dựng xã hội XHCN hài hoà... Quan điểm phát triển khoa học cũng rất cần thiết và xây dựng xã hội XHCN hài hoà cũng là một nhu cầu của thời đại. Quan trọng cần nắm vững, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, nhận thức được những vấn đề mới, tình hình mới, thiên niên kỷ mới, để đưa ra những quyết sách có tính chiến lược phù hợp với thực tiễn của đất nước Trung Quốc. Quan điểm phát triển khoa học chủ yếu cố gắng giải quyết vấn đề không bình ổn trong phát triển kinh tế, cải biến phương thức tăng trưởng; còn xây dựng xã hội XHCN hài hoà là muốn hoá giải mâu thuẫn xã hội trong quá trình tăng trưởng kinh tế, tạo ra một môi trường xã hội phát triển tốt lành.

Đặc trưng cơ bản của tư tưởng xã hội XHCN hài hoà. Trước hết cần thấy đặc trưng cơ bản của tư tưởng này cũng là yêu cầu của mục tiêu. Theo Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào có sáu vấn đề:

Một là “Dân chủ pháp trị”. Đây là cơ sở chính trị của xã hội XHCN hài hoà. Nếu không có dân chủ sẽ không có hài hoà, có dân chủ mới làm cho mọi người thoải mái, thúc đẩy được tính tích cực của mọi người, để thực hiện xã hội hài hoà. Chức năng của pháp trị là bảo hộ dân chủ, thúc đẩy dân chủ; về ý nghĩa mà nói, không có pháp trị cũng sẽ không có hài hoà.

Hai là “Công bình chính nghĩa”. Đây là mục tiêu giá trị của xã hội XHCN hài hoà. Tư bản chủ nghĩa đề cao hiệu quả, xã hội chủ nghĩa đề cao công bằng. Công bằng và bình đẳng có điểm tương đồng song không đồng nhất. Chủ nghĩa Mác cho rằng bình đẳng chỉ thực hiện được khi thủ tiêu giai cấp. Công bằng là một nguyên tắc của xã hội chủ nghĩa, thấp hơn bình đẳng một bậc. Chưa có công bằng thì chưa bàn được về xã hội chủ nghĩa. Công bằng bao quát: Phân phối kinh tế công bằng, đời sống chính trị công bằng, đời sống xã hội công bằng, cơ hội cũng cần công bằng, quá trình thực hiện phải công bằng, kết quả đánh giá cũng phải công bằng. Chính nghĩa là một loại giá trị để định giá, để phán đoán. Nhận thức đúng được sự nghiệp chính nghĩa, mọi người sẽ đem hết sức mình để phấn đấu.

Ba là “Thành tín hữu ái”. Đây là quy phạm đạo đức của xã hội XHCN hài hoà. Thành tín là quy phạm đạo đức quan trọng trong truyền thống văn hoá Trung Hoa, đòi hỏi mọi người phải thành thực

và giữ chữ tín. Trong điều kiện kinh tế thị trường, một số người chạy theo lợi ích cá nhân, không từ một thủ đoạn nào, làm hàng giả, lừa đảo không thể gọi là thành tín. Thành tín bao gồm cá nhân thành tín, xã hội thành tín, nhưng quan trọng nhất là chính phủ phải thành tín, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo càng phải thành tín. Hữu ái đòi hỏi mọi người phải có tình thương, giữa các cộng đồng không cùng lợi ích cũng cần phải cùng tồn tại, cùng sống, cùng vinh hoa, cùng giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và cùng có lợi.

Bốn là “Đầy sức sống” (Sung mãn hoạt lực). Đây là động lực phát triển của xã hội XHCN hài hoà. Xã hội hài hoà là một xã hội có đủ sức hoá giải những mâu thuẫn xã hội, biết tôn trọng lao động, tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, tôn trọng sáng tạo, huy động được tất cả các nhân tố tích cực, làm cho mọi người hăng hái tiến thủ và xã hội đầy sức sống.

Năm là “Yên ổn trật tự” (An định hữu tự). Đây là trật tự xã hội của xã hội XHCN hài hoà. Nó đòi hỏi kiện toàn cơ cấu tổ chức xã hội, quản lý xã hội hoàn thiện, trật tự xã hội tốt lành, nhân dân an cư lạc nghiệp, xã hội yên ổn, đoàn kết.

Sáu là “Con người ứng xử hài hoà với tự nhiên”. Đây là điều kiện tự nhiên của xã hội XHCN hài hoà.

Trong sáu điều trên đây, thì năm điều trên nói về quan hệ giữa con người với xã

hội, điều thứ sáu là nói về quan hệ của con người với tự nhiên. Sáu điều này có quan hệ và tác động lẫn nhau. Quan trọng là phải nắm vững và thể hiện đầy đủ mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội XHCN hài hoà mang đặc sắc Trung Quốc trong giai đoạn quá độ tiến lên CNXH. Xây dựng xã hội XHCN là một quá trình dài lâu, thì xây dựng xã hội XHCN hài hoà cũng phải có quá trình dài lâu.

Nội hàm khoa học phong phú của tư tưởng xã hội XHCN hài hoà.

“Xã hội hài hoà” là một xã hội có kết cấu giữa các bộ phận, các yếu tố gắn kết làm một cùng vận hành nhịp nhàng. Khái niệm xã hội XHCN hài hoà là một khái niệm hoàn toàn mới, có nội hàm khoa học hết sức phong phú. Trên những phương diện lớn, nó bao quát bốn mặt hài hoà sau:

Một là hài hoà của bản thân con người. Tự mỗi người đều có sự hài hoà và không hài hoà trong mình. Muốn phát triển hài hoà cho mỗi người, cần kiên trì coi trọng con người; trong giai đoạn hiện nay cần tăng cường phát triển toàn diện trí, đức, thể, mỹ cho mỗi cá nhân, đặc biệt là phải có thế giới quan, nhân sinh quan và giá trị quan đúng đắn để có thể xử lý chính xác mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, con người với xã hội và tạo ra sự hài hoà giữa con người với tự nhiên và xã hội.

Hai là hài hoà giữa con người và tự nhiên. Môi trường tự nhiên là điều kiện cơ bản để sinh tồn và phát triển của con

người. Trong xã hội nông nghiệp trước đây, do năng lực chinh phục tự nhiên thấp nên con người sinh ra sùng bái tự nhiên, lệ thuộc vào tự nhiên. Trong xã hội công nghiệp, năng lực chinh phục tự nhiên cao hơn, nhưng con người chỉ biết chinh phục mà không biết bảo vệ tự nhiên, làm cho tự nhiên bị phá hoại nghiêm trọng, môi trường sống của loài người bị ô nhiễm nặng nề. Trong thời đại ngày nay, con người bắt đầu coi trọng quy luật của tự nhiên, vừa chinh phục tự nhiên lại phải vừa bảo vệ tự nhiên. Điều này đòi hỏi phải cải thiện môi trường sinh thái, phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, làm cho sản xuất phát triển, đời sống giàu có, sinh thái tốt lành, tiến tới con đường phát triển hài hoà giữa con người và tự nhiên.

Ba là hài hoà giữa con người và xã hội. Sự hài hoà này bao gồm các quan hệ giữa con người với con người, quần thể với quần thể, cá nhân với quần thể, cá nhân với chính phủ, cá nhân với xã hội, các quan hệ này phải được xử lý hài hoà.

Bốn là hài hoà giữa các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá trong xã hội. Lý luận chủ nghĩa Mác về hình thái xã hội cho rằng cấu trúc bên trong của mọi xã hội gồm ba lĩnh vực lớn là kinh tế, chính trị và văn hoá. Kinh tế thuộc hạ tầng cơ sở, chính trị và văn hoá thuộc thượng tầng kiến trúc. Vấn đề ở đây là quan hệ giữa ba mặt phải được phát triển hài hoà. Bây giờ lại thêm một lĩnh vực nữa là xã

hội hài hoà. Thực ra hài hoà và không hài hoà chỉ có tính chất tương đối. Xây dựng xã hội XHCN hài hoà là một quá trình không ngừng loại trừ những nhân tố không hài hoà, tăng cường những nhân tố hài hoà, từ đó mà không ngừng nâng cao trình độ hài hoà của xã hội.

3. Sự tương đồng và dị biệt giữa tư tưởng Tam dân và tư tưởng Xã hội chủ nghĩa hài hoà

Trước hết, hai tư tưởng chính trị này đều sinh ra do nhu cầu của thời đại, trong những điều kiện lịch sử xã hội nhất định trên đất nước Trung Quốc, trong thực tiễn Trung Quốc. Mục tiêu của cả hai tư tưởng này đều vì sự phát triển đất nước thịnh vượng, nhân dân ấm no hạnh phúc. Vì vậy, nội dung của hai tư tưởng chính trị này phản ánh đúng nhu cầu thời đại và nguyện vọng cháy bỏng của hàng trăm triệu người dân Trung Quốc. Tuy nhiên, mỗi chặng đường phát triển của đất nước Trung Quốc lại có những yêu cầu lịch sử cụ thể cho từng giai đoạn, cho nên mỗi tư tưởng có nội dung khác nhau, giải quyết những nhiệm vụ lịch sử cụ thể khác nhau.

Dưới góc độ nhận thức, cả hai tư tưởng chính trị này đều phản ánh quá trình nhận thức xã hội, đi sâu nắm vững các vấn đề có tính quy luật, các mâu thuẫn cơ bản nhất của xã hội để giải quyết. Thời đại Tôn Trung Sơn giải quyết ba vấn đề dân tộc, dân quyền, dân sinh là những vấn đề bức thiết nhất của

thời đại. Thời đại Hồ Cẩm Đào là thời đại quá độ tiến lên CNXH, trên cơ sở nắm vững thực tiễn xây dựng xã hội chủ nghĩa, tăng cường đi sâu nhận thức quy luật xây dựng CNXH toàn diện mang đặc sắc Trung Quốc.

Cả hai tư tưởng chính trị này đều đã xác lập được mô hình một thể chế mới. Với Tôn Trung Sơn, trước hết cần giành lại độc lập dân tộc, rồi mới xác lập được dân quyền. Có dân tộc, dân quyền rồi mới có dân sinh. Dân quyền là một thể chế chính trị mới phù hợp với nguyện vọng dân chủ, tự do của nhân dân Trung Quốc ngàn đời nay, đồng thời cũng phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Đến thời đại xây dựng CNXH, Hồ Cẩm Đào đi sâu vào cấu trúc của xã hội. Cả ba mặt kinh tế, chính trị và văn hoá là “tam vị nhất thể” trước đây, nay lại có thêm xã hội hài hoà là “tứ vị nhất thể”. Các mặt này có quan hệ tổng thể điều chỉnh hài hoà đồng bộ. Đây là sáng tạo về lý luận trên cơ sở thực tiễn Trung Quốc.

Mặt khác, xét về quá trình phát triển, tư tưởng chính trị của Tôn Trung Sơn đã thúc đẩy quá trình cận đại hoá xã hội Trung Quốc, thì tư tưởng của Hồ Cẩm Đào xác định xây dựng xã hội XHCN hài hoà, về thực tế là thúc đẩy xây dựng toàn diện xã hội tiểu khang và xã hội XHCN mang đặc sắc Trung Quốc. Xây dựng xã hội chủ nghĩa là một quá trình dài lâu, song cũng cần biết Trung Quốc đang ở vị trí nào trên chặng đường dài lâu ấy. Sự hài hoà của xã hội hài hoà cũng chia ra làm ba bậc: cao,

trung bình và thấp. Hiện tại xã hội XHCN hài hoà của Trung Quốc mới chỉ đạt tới trình độ hài hoà bậc thấp của giai đoạn đầu XHCN.

Cả hai tư tưởng này đều là kết tinh của văn hoá truyền thống Trung Quốc với tinh hoa văn hoá thế giới. Trong văn hóa truyền thống ngàn năm của Trung Quốc, qua “bách gia tranh minh”, những trào lưu tư tưởng lớn, bao gồm tam giáo cửu lưu đã ra đời. Đặc biệt trong đó có hai học phái lớn nhất là Nho gia và Đạo gia. Những học phái này đã cung cấp cho Tôn Trung Sơn quan điểm dân quyền và dân sinh. Hai học phái này cũng cung cấp cho Hồ Cẩm Đào những quan niệm về xã hội hài hoà. Nho gia coi trọng xã hội, coi nhẹ tự nhiên, triết học của học phái này là luân lý, đề cao đạo đức nhân sinh với những quy phạm đạo đức: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín... coi trọng “*hoà vi quý*” (hoà là quý) (Khổng Tử). “*Thiên thời bất như địa lợi, địa lợi bất như nhân hoà*” (Thiên thời không bằng địa lợi, địa lợi không bằng nhân hoà) (Mạnh Tử), đề xướng khoan hoà trong xử thế để điều chỉnh quan hệ giữa người với người sao cho con người và xã hội hài hoà. Trái với Nho gia, Đạo gia coi trọng tự nhiên, coi nhẹ xã hội, triết học của học phái này là triết học tự nhiên, đề cao quy luật của tự nhiên và vũ trụ, yêu cầu con người và tự nhiên phải hài hoà. Tuy nhiên, trước sự phân tranh giữa con người với xã hội thì Đạo gia lại có thái độ trốn tránh. Trong mối quan hệ của con người với tự nhiên,

Đạo gia đưa ra được những tư tưởng có giá trị như: “*Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên*” (Người học ở đất, đất học ở trời, trời học ở đạo, đạo học ở tự nhiên) (Lão Tử). Đạo gia yêu cầu con người cần tôn trọng những quy luật tự nhiên vì đó là những chuẩn mực cao nhất. Đến thời Tống còn có tư tưởng “*Thiên nhân hợp nhất*” (Trời với người hợp nhất) (Trương Tải), khẳng định con người và tự nhiên là thống nhất. Nói tóm lại, Nho gia lấy con người làm trung tâm, yêu cầu con người và xã hội hài hoà, Đạo gia lấy tự nhiên làm trung tâm, đòi hỏi con người và tự nhiên phải hài hoà. Kết hợp Nho và Đạo vừa có đối lập, vừa có bổ sung, tạo thành quan điểm phát triển cơ bản của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Tư tưởng cơ bản văn hoá truyền thống ưu tú của Trung Quốc tựu chung có hai loại là “nhân luân hài hoà” và “thiên nhân hiệp điệu”. “Nhân luân hài hoà” là nói quan hệ hài hoà giữa người với người và con người với xã hội, “thiên nhân hiệp điệu” là nói quan hệ hài hoà giữa con người với tự nhiên và xã hội với tự nhiên.

Nếu như Tôn Trung Sơn tiếp thu được tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây để đề ra chủ nghĩa Tam dân, thì tư tưởng xã hội XHCN hài hoà của Hồ Cẩm Đào đã kế thừa tư tưởng xã hội hài hoà của CNXH không tưởng. Xanh Ximông và Phuriê đã nói tới “chế độ hài hoà” để phê phán “chế độ văn minh” tư bản chủ

nghĩa. Ôoen còn tiến xa hơn, chủ trương thay tư hữu bằng công hữu, ông thiết kế ra xã hội tương lai thực hành lao động theo chế độ công xã, thành quả lao động thuộc về giai cấp lao động. Chính ông đã sang Mỹ mua đất, tập hợp mọi người, để xây dựng cái gọi là “thôn xóm hài hoà mới”.

Sau này Mác và Ăngghen đã khẳng định công lao của các nhà không tưởng: thủ tiêu đối lập giai cấp “đề xướng xã hội hài hoà” là “chủ trương tích cực của họ (Xanh Ximông, Phuriê, Ôoen - chú thích của người viết) đối với xã hội tương lai”. Trên cơ sở chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư, chủ nghĩa Mác đã làm cho CNXH không tưởng phát triển thành CNXH khoa học. Quan điểm của chủ nghĩa Mác cho rằng: cần phải đánh đổ các quốc gia tư bản, tiêu diệt chế độ tư hữu, tiêu diệt giai cấp và khác biệt giai cấp..., đề cao tinh thần của mọi người, mỗi con người đều được phát triển toàn diện, không chỉ nắm vững quy luật phát triển của xã hội, mà còn nắm vững quy luật phát triển của tự nhiên, “Con người lần đầu tiên trở thành chủ nhân chân chính và tự giác của thế giới tự nhiên” và hình thành “thể liên hợp của con người tự do”. Lênin và sau này Mao Trạch Đông đều có bàn về mâu thuẫn và cách giải quyết mâu thuẫn... nhằm điều chỉnh mâu thuẫn để có được xã hội hài hoà. Như vậy, một số tư tưởng của các nhà triết học, các chính trị gia cổ kim đông tây đã là những tư liệu quý

báo có thể tiếp thu để xây dựng xã hội hài hoà. Rõ ràng, cả hai tư tưởng chính trị của Tôn Trung Sơn và Hồ Cẩm Đào đều tiếp thu được những tinh hoa văn hoá, những tư tưởng triết học của cả cổ kim đông tây. Tuy nhiên, mỗi thời đại khác nhau, theo tiến trình lịch sử xã hội Trung Quốc khác nhau thì quá trình nhận thức cũng có khác nhau. Vấn đề là tư tưởng của mỗi người so với thời đại trước có gì mới hơn, có đóng góp cho xã hội được nhiều hơn không. Điều mà không ai có thể phủ nhận được là cả hai tư tưởng chính trị này đều vừa có tính lý luận, vừa có tính thực tiễn cao.

Tóm lại, đóng góp lớn lao của Tôn Trung Sơn, trong đó có Chủ nghĩa Tam dân đối với quá trình cách mạng của Trung Quốc là vô cùng to lớn, nó chẳng những là cương lĩnh là mục tiêu của nhiều cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở nhiều nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam thời bấy giờ, mà còn thúc đẩy quá trình cận đại hoá xã hội Trung Quốc. Mục tiêu xây dựng xã hội XHCN hài hoà của Hồ Cẩm Đào đã định hướng cho việc xây dựng Trung Quốc thành một nước XHCN phát triển hài hoà trong bối cảnh hiện nay. Nhiệm vụ của Trung Quốc trong giai đoạn này về đối nội là xây dựng xã hội hài hoà, đối ngoại là phát triển hoà bình, cả hai đều tương bổ tương thành, thống nhất biện chứng. Cả hai “hoà” đều nhằm thể hiện đặc trưng quan trọng: phát triển XHCN mang đặc sắc Trung Quốc. Vì tư tưởng chính trị

này vừa có nội hàm khoa học cao, vừa có tính thực tiễn nên đã và đang huy động được tất cả sức mạnh vật chất và tinh thần của nhân dân Trung Quốc phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng xã hội XHCN.



CHÚ THÍCH:

(1), (2), (3) *Tôn Trung Sơn tuyển tập*, Thượng Hải xuất bản xã, tr. 83, 791, 725

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Triệu Diệu: *Cấu kiện XHCN hài hoà xã hội đích kỷ cá lý luận nhận thức vấn đề*. (Dẫn từ *Đương đại thế giới XHCN vấn đề*. kỳ 4.2005)
2. Lý Quân Như (chủ biên)(2005): *Xã hội chủ nghĩa hoà hài xã hội luận*. Nhân dân xuất bản xã,
3. Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc (2002): *Cách mạng Tân Hợi 90 năm sau nhìn lại* (1911 – 2001). Nxb KHXH.
4. Viện Thông tin Khoa học. Học viện Chính trị Quốc gia HCM (2006): *Mười một điểm nóng đang tranh luận*.
5. *Tôn Trung Sơn tuyển tập* (1981). Thượng Hải nhân dân xuất bản xã.